

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt: Không yêu cầu.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật: Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt.

Nhà thầu có E-HSDT hợp lệ và vượt qua các bước đánh giá về năng lực, kinh nghiệm được đánh giá theo thứ tự các bước sau đây:

Bước 1: Đánh giá các tài liệu cung cấp theo quy định tại E-CDNT 10.8 Chương II nếu đủ và đáp ứng thì được đánh giá bước 2.

Bước 2: Đánh giá thông số kỹ thuật của hàng hóa chào thầu theo quy định tại khoản 1.2 và các yêu cầu tại Mục 1 và Mục 2 Chương V. Các yêu cầu về thông số kỹ thuật của hàng hóa cụ thể như sau:

Stt	Các chỉ tiêu, các thông số kỹ thuật và các điều kiện	Yêu cầu chi tiết	Đánh giá	
			Đạt	Không đạt
I	Mô tả chung	- Xe chở phạm nhân loại chở từ 14 phạm nhân trở lên, hai cầu chủ động, có cấu trúc cabin kép, cán bộ và lái xe bố trí cùng cabin; khoang phạm nhân độc lập với cabin. - Xe cơ sở (xe dùng để thiết kế xe chở phạm nhân) là xe tải hoặc sát xi tải; thiết kế, thiết bị trên xe đáp ứng các quy định tại TCVN-AN 091:2016		
II	Xe cơ sở (dùng để thiết kế xe chở phạm nhân)			
1	Model	Nhà thầu chào theo thông tin của nhà sản xuất		
2	Động cơ	Nhà thầu chào model động cơ theo thông tin của nhà sản xuất		
3	Dung tích xy lanh (cc)	≥ 2.800		
4	Loại nhiên liệu	Diesel		
5	Hộp số	Cơ khí hoặc tự động		
6	Công suất cực đại/Vòng quay tương ứng (Kw)	≥ 118		
7	Momen xoắn cực đại /Vòng quay tương ứng (Nm)	≥ 390		
8	Tiêu chuẩn khí thải	Euro 5 hoặc tương đương trở lên		
9	Hệ thống lái	Hệ thống lái bên trái; Có trợ lực, cột lái điều chỉnh được độ nghiêng		
10	Cabin	Cabin kép, có trang bị điều hòa; chở được 6 người (bao gồm cả lái xe).		

Stt	Các chỉ tiêu, các thông số kỹ thuật và các điều kiện	Yêu cầu chi tiết	Đánh giá	
			Đạt	Không đạt
11	Hệ thống phanh chính	Phanh tang trống hoặc phanh đĩa, có trợ lực		
12	Hệ thống dẫn động	2 cầu chủ động (4x4)		
13	Bánh xe	- Bánh trước loại bánh đơn; - Bánh sau loại bánh đôi.		
14	Dây đai an toàn	Được bố trí cho tất cả vị trí ngồi trên cabin		
15	Bán kính vòng quay nhỏ nhất (mm)	≤ 7.000		
III	Xe chở phạm nhân			
1	Model	Nhà thầu chào theo thông tin của nhà sản xuất xe chở phạm nhân		
2	Màu sơn	Màu trắng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất xe chở phạm nhân		
3	Kích thước tổng thể: (DxRxHmax), Wt (mm)	- Chiều dài: $6.200 \leq D \leq 10.000$ - Chiều rộng: $2.100 \leq R \leq 2.500$; - Chiều cao: $H_{max} \leq 1,75W_t \leq 4.000$, trong đó: + Hmax: Chiều cao lớn nhất cho phép của xe; + Wt: Khoảng cách giữa tâm vết tiếp xúc của hai bánh xe sau phía ngoài với mặt đường. - Chiều dài đuôi xe: Không lớn hơn 60% chiều dài cơ sở.		
4	Chiều dài cơ sở (mm)	≥ 3.400		
5	Khoảng sáng gầm xe (mm)	≥ 230		
6	Khả năng vượt dốc	Trong điều kiện đầy tải, xe phải vượt được dốc có độ dốc không nhỏ hơn 25%		
7	- Khối lượng toàn bộ theo thiết kế: Gt (kg) - Khối lượng chuyên chở theo thiết kế: Gc (kg)	- Khối lượng toàn bộ theo thiết kế: $6.000 \leq G_t \leq 8.000$ - Khối lượng chuyên chở theo thiết kế: $G_c \geq 2.500$		
8	Khoang cán bộ áp giải	- Khoang cabin được bố trí hàng ghế sau hàng ghế lái, có trang bị điều hoà; chở được 05 cán bộ dẫn giải không kể lái xe; quan sát được khoang chở phạm qua ô giám sát phạm nhân tại vách ngăn giữa hai khoang và phải đảm bảo các yêu cầu: + Khoảng trống giữa hai hàng ghế không nhỏ hơn 630 mm;		

Stt	Các chỉ tiêu, các thông số kỹ thuật và các điều kiện	Yêu cầu chi tiết	Đánh giá	
			Đạt	Không đạt
		<ul style="list-style-type: none"> + Chiều rộng đệm ngồi không nhỏ hơn 400 mm tính cho một người; + Chiều sâu đệm ngồi: ≥ 400 mm; + Chiều cao từ mặt sàn (không áp dụng cho các vị trí trên hốc lắp bánh xe, nắp che khoang động cơ) tới mặt đệm ngồi trong khoảng từ 400 mm đến 500 mm. - Các công tắc đèn, quạt thông gió, điều hòa của khoang phạm nhân phải được bố trí trong khoang cán bộ áp giải. 		
9	Khoang phạm nhân	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểu thùng kín, độc lập với cabin, có cửa kính để quan sát; khả năng chuyên chở từ 14 phạm nhân trở lên. Bố trí 2 hàng ghế hai bên thành thùng xe. - Có điều hòa nhiệt độ độc lập cho khoang chở phạm nhân; - Có trang bị dây an toàn cho các vị trí ghế ngồi. 		
9.1	Kích thước lòng thùng khoang phạm nhân: (mm)	<ul style="list-style-type: none"> - Chiều cao hữu ích (Ht) ≥ 1.620 mm; - Lối đi dọc (L): ≥ 700 mm. 		
9.2	Kết cấu khoang chở phạm nhân	<ul style="list-style-type: none"> - Các thành, vách, trần khoang chở phạm nhân có cấu tạo tối thiểu 05 lớp; trong đó: <ul style="list-style-type: none"> + Lớp ngoài cùng: Thép tấm, được sơn bảo vệ chống tác nhân của môi trường, độ dày thép $\geq 0,5$ mm; + Hai lớp cách âm có tổng độ dày $\geq 5,4$ mm (mỗi lớp $\geq 2,7$ mm); + Lớp cách nhiệt có độ dày ≥ 33 mm; + Lớp trong cùng là thép tấm, được sơn bảo vệ chống tác nhân của môi trường, độ dày $\geq 0,5$ mm. - Ngoài ra, kết cấu khoang chở phạm nhân phải đáp ứng yêu cầu: <ul style="list-style-type: none"> + Khoang phải được chế tạo chắc chắn, chịu được các tải trọng động khi vận hành đồng thời chống được cây phá khi áp giải phạm nhân; + Các liên kết bằng bulong phải sử dụng cơ cấu chống tự tháo; + Các cạnh của thùng không được có cạnh sắc và phải được gia công với bán kính lượn không nhỏ hơn 07 mm; - Sàn khoang phải bảo đảm chống trơn trượt và được chế tạo bằng hợp kim hoặc thép không gỉ hoặc thép xử lý bề mặt bằng sơn 		

Stt	Các chỉ tiêu, các thông số kỹ thuật và các điều kiện	Yêu cầu chi tiết	Đánh giá	
			Đạt	Không đạt
		tính điện, có độ dày ≥ 2 mm; đảm bảo không để lọt khói, bụi từ khoang động cơ và từ bên ngoài phía dưới sàn xe vào trong khoang.		
9.3	Ghế phạm nhân	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước ghế: <ul style="list-style-type: none"> + Chiều rộng mặt ghế không nhỏ hơn 400 mm tính cho một chỗ; + Chiều sâu mặt ghế không nhỏ hơn 400 mm; + Chiều cao từ mặt sàn (không áp dụng cho các vị trí trên hốc lắp bánh xe) tới mặt ghế trong khoảng từ 320 mm đến 400 mm. - Kết cấu ghế phạm nhân phải chắc chắn, không có gờ sắc cạnh gây nguy hiểm cho phạm nhân. - Tay chống xô: <ul style="list-style-type: none"> + Mỗi chỗ ngồi phải bố trí tay chống xô trên mặt ghế bảo đảm cho phạm nhân không bị xô về hai bên; + Kết cấu tay chống xô phải chắc chắn. Chiều cao tính từ mặt ghế trong khoảng từ 220 mm đến 250 mm; mặt cắt ngang có đường kính từ 25 mm đến 30 mm. - Vật liệu chế tạo ghế và tay chống xô: kim loại, có khả năng chống han gỉ. 		
9.4	Ô thông gió	<ul style="list-style-type: none"> Ô thông gió được bố trí: 01 ô trên nóc, 02 ô phía sau và 02 ô mỗi bên thành khoang chở phạm; trong đó: <ul style="list-style-type: none"> - Ô thông gió loại chớp ở phía sau và hai bên thành thùng xe: Phải đảm bảo chống được trao đổi vật dụng giữa trong và ngoài; - Ô thông gió trên nóc: Phải có kết cấu chấn song bảo đảm khoảng cách giữa các song không lớn hơn 100 mm; lực giật phá hủy ngang cho mỗi song không nhỏ hơn 1.962 N (200 kg). - Các ô thông gió phải được thiết kế đảm bảo kín khi sử dụng điều hòa trong khoang chở phạm nhân. 		
9.5	Ô lấy sáng	<ul style="list-style-type: none"> Ô lấy sáng được bố trí: 02 ô phía sau và 02 ô mỗi bên thành khoang chở phạm; trong đó phải lắp kính loại cường lực an toàn, độ dày ≥ 05 mm; có kết cấu chống cạy phá từ phía trong. Bên ngoài phải có kết cấu chấn song bảo đảm khoảng cách giữa các song không lớn hơn 100 mm; lực giật phá hủy ngang cho mỗi song không nhỏ hơn 1.962 N (200kg). 		
9.6	Ô giám sát phạm nhân	Được bố trí phía trước khoang chở phạm nhân. Kích thước phải bảo đảm cho cán bộ		

Stt	Các chỉ tiêu, các thông số kỹ thuật và các điều kiện	Yêu cầu chi tiết	Đánh giá	
			Đạt	Không đạt
		quan sát được toàn bộ khoang phạm nhân. Phải lắp kính loại an toàn; có kết cấu chống cạy phá từ phía trong bằng chấn song bảo đảm khoảng cách giữa các song không lớn hơn 100 mm; lực giật phá hủy ngang cho mỗi song không nhỏ hơn 981 N (100kg).		
9.7	Trang bị chống đào thoát	Trang bị chống đào thoát phải bảo đảm: - An toàn và dễ dàng cho cán bộ áp giải khi thao tác đóng mở; - Có khóa riêng từng phạm nhân, loại khóa cùm chân được trang bị cho mỗi hàng ghế, giúp chống lại việc phạm nhân tự ý rời khỏi chỗ ngồi cũng như đảm bảo an toàn, không gây nguy hiểm cho phạm nhân trong quá trình di chuyển và dễ dàng cho cán bộ áp giải khi thao tác đóng mở.		
9.8	Cửa khoang phạm nhân	- Loại cửa hai cánh; Cửa khoang phạm nhân có kích thước hữu ích nhỏ nhất như sau: + Chiều rộng: $Rc \geq 1.800$ mm; + Chiều cao: $Cc \geq 1.600$ mm. - Khóa cửa khoang phạm nhân có khả năng chống cạy phá. Lực giật phá hủy tại điểm yếu nhất của thanh khóa không nhỏ hơn 4.905N (500kg); - Các liên kết bằng bulong, chốt của bản lề và khóa phải sử dụng phương pháp không tháo được.		
9.9	Hệ thống chiếu sáng	- Các đèn trong khoang phạm nhân phải đảm bảo chiếu sáng rõ: + Toàn bộ khoang để cán bộ có điều kiện giám sát phạm nhân; + Các bậc lên xuống của khoang. - Các đèn trong khoang phạm nhân phải lắp đặt chắc chắn, có thiết kế bảo vệ để chống cạy phá.		
9.10	Bậc lên xuống	- Bề mặt bậc lên xuống được tạo nhám hoặc phủ vật liệu có ma sát; - Kích thước của bậc lên xuống khoang phạm nhân bảo đảm: + Chiều cao của bậc thứ nhất tính từ mặt đỡ xe: 300 ÷ 400 mm, các bậc khác (nếu có): 120 ÷ 250 mm; + Chiều sâu bậc nhỏ nhất của bậc thứ nhất tính từ mặt đỡ xe: 100 mm; + Chiều ngang bậc không nhỏ hơn chiều rộng của cánh cửa.		

Stt	Các chỉ tiêu, các thông số kỹ thuật và các điều kiện	Yêu cầu chi tiết	Đánh giá	
			Đạt	Không đạt
10	Độ kín khoang phạm nhân	Khoang phạm nhân bảo đảm không có sự rò rỉ nước từ bên ngoài vào trong xe		
11	Camera giám sát và hệ thống loa đàm thoại giữa khoang cán bộ và khoang phạm nhân	<ul style="list-style-type: none"> - Camera quan sát đặt trong khoang chở phạm nhân: Có khả năng quan sát cả ngày và đêm; - Độ phân giải camera: tối thiểu 1920 x 1080 pixel; - Bộ nhớ: $\geq 1\text{Tb}$; - Màn hình màu hiển thị hình ảnh từ camera (đặt trong khoang cán bộ áp giải): Độ phân giải tối thiểu Full HD; Kích thước ≥ 10.6 inch. - Hệ thống loa đàm thoại hai chiều 		
12	Các thiết bị kèm theo khác	<ul style="list-style-type: none"> - Có 01 bánh xe dự phòng có kích thước phù hợp để thay thế cho tất cả bánh trước và sau, đảm bảo an toàn trong quá trình sử dụng. Bộ đồ nghề sửa chữa tiêu chuẩn nhà sản xuất. - Hệ thống âm thanh trên cabin: FM, AM và USB; - 01 bình chữa cháy $\geq 1.5\text{kg}$. 		
13	Thiết bị phát tín hiệu cho xe được quyền ưu tiên	Loại đèn kép dạng hình hộp chữ nhật (đèn led), có từ 02 cụm đèn trở lên, 02 màu xanh - đỏ; Công suất đèn (W): $36 \div 280$; Còi ưu tiên: Công suất ra (W): $100 \div 200$; Chế độ còi ưu tiên: tối thiểu có 06 chế độ (WAIL, YELP, SIREN, WOOP, PIERCER, HI-LO).		
IV	Bảo hành	≥ 18 tháng kể từ ngày nghiệm thu, bàn giao hàng hóa		

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát và chi tiết đều được đánh giá là đạt.

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

4.1. Phương pháp giá thấp nhất:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT: Không áp dụng.

Mục 6. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập (nếu có):
Không có.